

Triết học phương Đông

bàn về con người và phát triển

Nguyễn Đăng Tiến*

Từ xa xưa các nhà tư tưởng và hiền triết phương Đông đã bàn nhiều đến vấn đề con người và phát triển dưới nhiều góc độ khác nhau trong đó nổi bật có Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước tiêu biểu có nền văn hóa, tư tưởng phát triển sớm nhất, có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong khu vực. Các học thuyết bàn về con người và phát triển ở hai nước này hết sức phong phú và đa dạng: ở Trung Quốc nhiều trường phái xuất hiện từ thời Xuân Thu-Chiến quốc, sử gọi chung là Bách gia chư tử, trong đó thập gia nổi tiếng nhất là Nho gia, Tạp gia, Tiểu thuyết gia; ở Ấn Độ có Triết học Bà La Môn bao gồm sáu hệ thống: triết học Ngaya, triết học Vaisheshika, rồi Sankhya, Yoga, Purva-Mimams và Vedanta. Bên cạnh Bà la Môn giáo còn có Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo và cả Kitô giáo. Bài viết này tìm hiểu nội hàm của lý luận về con người: nguồn gốc, bản chất và tính người trong triết học Phương Đông với hai chiếc nôi lớn nhất trên đây.

Từ xa xưa, các nhà tư tưởng, hiền triết phương Đông đã bàn đến vấn đề con người và phát triển dưới nhiều góc độ. Trong đó phải kể đến hai nước tiêu biểu nhất, có nền văn hoá, tư tưởng phát triển sớm nhất và có ảnh hưởng sâu rộng trong khu vực là Trung Quốc và Ấn Độ. Các học thuyết bàn về con người và phát triển ở hai nước này hết sức phong phú, đa dạng: Ở Trung Quốc, nhiều trường phái xuất hiện từ thời Xuân Thu-Chiến quốc, sử gọi chung là Bách gia chư tử, trong đó thập gia nổi tiếng nhất là: Nho gia, Tạp gia, Tiểu thuyết gia. Ấn Độ là một xứ sở mà không có nơi đâu trên thế giới, con người lại mê triết học như vậy. Triết học Bà la môn bao gồm sáu hệ thống: triết học Ngaya, triết học Vaisheshika, rồi Sankhya, Yoga, Purva-Mimams và Vedanta¹. Bên cạnh các học thuyết Bà la

môn giáo (Brahmanism), Ấn Độ còn có Ấn Độ giáo (Hinduism), Phật giáo (Buddhism), Hồi giáo (Mohammedanism) và sau nữa là Ki-tô-giáo (Catholicism).

Mỗi trường phái triết học và mỗi tôn giáo đều có những ảnh hưởng đến xã hội, đến đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Do xâm lược của nước ngoài và quá trình giao lưu văn hoá, dân tộc ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba ý thức hệ tư tưởng là Nho, Phật, Đạo. Cả ba học thuyết này đều bàn đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, con người với con người và con người với xã hội. Nội hàm của các vấn đề trên hết sức phong phú, song do đặc thù của kinh tế-xã hội phương Đông, lý luận về con người thường tập trung vào các vấn đề sau: nguồn gốc, bản chất, bản tính con

* Nguyên cán bộ Viện Khoa học giáo dục.

¹ Xem: Will Durant- Nguyễn Hiến Lê dịch. "Lịch sử văn minh Ấn Độ"- Nxb. Văn hoá, 1996, Hà Nội, tr. 264-298.

người, đạo người và các vấn đề nhân sinh quan khác.

1. Nguồn gốc con người

Đây là vấn đề được đặt ra từ khi xã hội phân chia thành giai cấp và tiếp tục trong suốt tiến trình lịch sử. Và cũng là vấn đề cơ bản để lý giải nhiều vấn đề khác về con người, thể hiện những quan điểm khác nhau hoặc đối lập nhau giữa các phe phái triết học duy vật và duy tâm.

1- Ngay từ giai đoạn đầu tiên của lịch sử phương Đông, chủ nghĩa duy tâm tôn giáo đã cho rằng con người là do một vị thần tối cao tạo ra và điều khiển, trong lúc chủ nghĩa duy vật lại cho rằng con người là do yếu tố vật chất tạo thành.

Kinh Vêda quan niệm con người và vạn vật đều do một đấng sáng thế tạo ra. Còn kinh Upanisat lại cho linh hồn (atman) của con người chỉ là sản phẩm và biểu hiện của linh hồn thế giới (brahman). Triết lí Upanisad nói: "Atman ví như không gian vô hạn, cá nhân ví như không gian chứa trong một bình. Bình là thân thể... ví dụ ấy chứng tỏ người ta phải hiểu sự sinh như thế nào. Khi nào bình vỡ, không gian chứa trong bình đi đâu? Nó biến vào trong không gian vô hạn. Cũng như vậy mà cá nhân sinh sống biến vào trong thực thể tối cao Atman". (Taitt, up 2, 3, 4).

Cũng tư tưởng đó, Kinh Thi và Kinh Thư ở Trung Quốc khẳng định con người chịu mệnh ở trời.

2- Đối lập với chủ nghĩa duy tâm tôn giáo, chủ nghĩa duy vật và vô thần ở Ấn Độ và Trung Quốc đưa ra quan niệm tiến bộ, sát thực tế.

Trong kinh Upanisad, quan điểm duy vật cho rằng bản nguyên của thế giới con người gồm 4 yếu tố đất, nước, lửa và gió tạo thành. Còn ở Trung Quốc, Sử Bá cho rằng con người do "Ngũ hành" (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ)

sinh ra, Quán Trọng cho là do bộ phận tinh hoa nhất của nước tạo thành, còn Tống Kiên, Doãn Văn lại nói do khí tạo thành.

Những quan niệm ban đầu trên đây còn thô sơ, song đã đặt nền móng tư tưởng quan trọng cho những giai đoạn sau này.

3- Ở giai đoạn tiếp theo, quan niệm phong phú nhất về nguồn gốc và bản chất con người, phải kể đến Nho giáo có cội nguồn từ Trung Quốc. Khổng tử là người đi tiên phong, sau đó ngày càng có nhiều học giả tham gia, các luận điểm ngày một sâu rộng.

Tuy thế, ngay trong học thuyết Nho giáo cũng chia hai phái đấu tranh quyết liệt với nhau giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật vô thần.

Khổng tử quan niệm con người ta đều có mệnh, có số.

4- Chủ nghĩa duy tâm dựa vào đó phát triển rộng ra. Đến đời Hán, Đổng Trọng Thư - nhằm củng cố chế độ phong kiến Trung ương tập quyền - đã "nhân cách hoá" Trời, đưa yếu tố thần học vào Nho giáo. Ông trình bày nguồn gốc con người theo mục đích luận như sau:

- Trời sinh ra người theo hình dáng của mình,
- Trời sinh ra người để thực hiện ý chí của mình,
- Trời sinh ra vật để nuôi con người,
- Trời sinh ra lễ nghĩa để dạy dỗ người,
- Trời sinh ra vua để trị người.

Trong suốt hơn một ngàn năm từ Hán đến Tống, quan điểm trên luôn bị chủ nghĩa duy vật phê phán, đả kích nên đã phải thay hình đổi dạng. Chu Hy và các nhà lý học thời Tống đã đưa ra quan điểm như sau: Con người sinh ra từ "Lý" theo một qui trình:

- "Lý" sinh ra "khí" (tức âm dương ngũ hành),

- “Khí” sinh ra “Người” và “Vật”.

Chính cái quan điểm “lý” và “khí” này qua bao đời đã là công cụ thống trị của các giai cấp phong kiến ở Trung Quốc và các nước Viễn Đông.

5- Đối lập lại là chủ nghĩa duy vật (nho giáo). Tuân tử là người đầu tiên phê phán quan điểm mệnh trời. Tiếp tục quan điểm của Tống Kiên và Doãn Văn, ông cũng cho “khí” là nguồn gốc của vạn vật. Sau đó, Trương Tải ở thời Tống quan niệm “Thái hư” (là hình thức tồn tại cơ bản của khí) là nguồn gốc của vạn vật và con người. Nhà duy vật đời Thanh là Đái Chấn thì cho rằng nguồn gốc của con người ở trong sự vận động của vật chất nguyên thủy mà ông gọi là “khí hoá lưu hành”....

Cùng với chủ nghĩa duy vật (Nho giáo); Tuân tử là người đầu tiên phê phán quan điểm mệnh trời. Tiếp tục quan điểm của Tống Kiên và Doãn Văn, ông cũng cho *khí* là nguồn gốc của vạn vật và con người.

Lão tử nói: “Đạo” là “vạn vật chi tông” (nguồn gốc của vạn vật). Quá trình của nó là “Đạo sinh ra 1, 1 sinh ra 2, 2 sinh ra 3, 3 sinh ra vạn vật”.

Sau “đạo” có các yếu tố giúp cho vật hoàn thành: “Đạo sinh ra, đức nuôi lấy, *vật* làm hiện hình và *thể* giúp trưởng thành”.

Trong “Đạo đức kinh”, Lão tử đã dùng chữ Đạo để chỉ cái nguyên lý tuyệt đối đã có từ trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể hiểu theo hai phương diện: Vô và Hữu.

Vô thì đạo là nguyên lí của trời đất, nguyên lý vô hình.

Hữu thì đạo là nguyên lý hữu hình, là mẹ sinh ra vạn vật.

(Vô danh thiên địa chi thể, hữu danh vật chi mẫu).

Kế tục học thuyết của Lão tử, Trang tử cũng nói “Đạo vô vi vô hình” thì “tự

gốc rễ chưa có trời đất”, “tự cổ đã có đạo và từ đạo mà sinh ra trời, sinh ra đất...”.

Thực chất tư tưởng Lão-Trang là chủ nghĩa duy tâm khách quan. Từ chỗ chống chủ nghĩa duy tâm thần bí của Nho giáo lại rơi vào khuynh hướng thần bí khác khiến nhận thức của con người thêm mơ hồ, rắc rối.

Phật giáo có quan điểm hoàn toàn khác. Ra đời ở Ấn Độ sau khi có kinh Vêda và kinh Upanisad, nên tư tưởng Phật giáo có chịu ít nhiều ảnh hưởng. Song Phật giáo không thừa nhận linh hồn thế giới là nguồn gốc của linh hồn con người.

Phật giáo cho rằng, con người là nguyên nhân của chính mình, con người quá khứ là nguyên nhân của con người hiện tại, con người hiện tại là nguyên nhân của con người tương lai (xem thuyết thập nhị nhân duyên).

Như vậy, bên cạnh ý nghĩa tích cực là chống chủ nghĩa số mệnh, Phật giáo vẫn không thoát khỏi vòng luẩn quẩn của duy tâm thần bí.

Trước sau, các tông phái Phật giáo đều quan niệm con người là do luật nhân quả, do “nghiệp” mà ra, sự sinh tử là ở trong vòng luân hồi quả báo.

2. Về bản chất con người

Các nhà tư tưởng phương Đông cho rằng, tìm ra nguồn gốc con người là cần thiết nhưng chưa đủ vì chưa phân biệt được người với con vật- Phải làm rõ sự cao quý của con người và muốn vậy phải làm rõ con người là gì? Con người có những đặc trưng gì? Nó khác gì với con vật? Nói khác đi, phải làm rõ *bản chất của con người* là như thế nào?

Về vấn đề này, hai trường phái duy tâm và duy vật của Nho giáo cũng có hai quan niệm đối lập nhau mạnh mẽ.

Theo trường phái duy tâm, bản chất con người là có “thiện đoan”, nhờ đó mà hiểu được các mối quan hệ đạo đức giữa

vua-tôi, cha-con, chồng-vợ, trên-dưới. Theo Mạnh tử, cũng chính nhờ có “thiện đoan” mà con người biết ghép mình theo đạo đức tôi phải trung nghĩa với vua, vợ phải khác biệt với chồng, phục tùng chồng, quan hệ trên dưới phải có tôn ti, trật tự. Làm được thế mới gọi là *người*, trái lại thực hiện “Kiêm ái” (học thuyết Mạc tử) hoặc “Vị ngã” (học thuyết của Dương Chu) thì chẳng khác gì cầm thú.

Phát triển quan điểm của Mạnh tử, các nhà lý học đời Tống cho rằng bản chất của con người là nhận thức được “Lý” (tức Nhân-Nghĩa-Lễ-Trí), nghĩa là nhận thức được nghĩa vụ của đạo làm tôi, làm vợ, làm con.

Trong quá trình phát triển của chế độ phong kiến, trong thời gian rất dài, quan điểm này đã giữ địa vị thống trị, làm cơ sở để giai cấp phong kiến giáo dục đạo đức cho mọi người. Tuy nhiên, do không thấy được đạo đức của con người là sản phẩm sinh hoạt xã hội của họ, không thấy được mỗi giai cấp có đạo đức riêng của mình, vì vậy dù hết sức giải thích đó là bản chất của con người, song giai cấp bị trị vẫn không ngừng đấu tranh chống lại.

Trong những người có tư tưởng đối lập rất phong phú, đa dạng, có thể nêu ra 3 người tiêu biểu. Đó là Tuân tử, Mặc tử và Đái Chấn. Tuân tử (thời chiến quốc), đại biểu của chủ nghĩa duy vật Nho giáo nói rằng con người khác con vật ở chỗ có “Nghĩa”, hơn con vật là biết “hợp quần” nhờ vậy mà điều khiển được con vật.

Mặc tử (đại biểu của tầng lớp lao động tiểu thủ công) lại cho rằng con người khác con vật ở chỗ có *lao động* (ông gọi là *lực*) nhờ đó mà biết cày cấy để ăn, dệt vải để mặc, làm nhà để ở, trong lúc muông thú chỉ biết lấy bộ lông của mình làm quần áo, dựa vào tự

nhiên để có đồ ăn, thức uống chứ không thể tự làm ra.

Cao hơn một bước, Đái Chấn (đời Thanh) quan niệm rằng con người khác con vật ở chỗ lấy *ý thức* thay cho bản năng.

Những quan điểm này khác về chất so với chủ nghĩa duy tâm Nho giáo vì có nhiều yếu tố hợp lý hơn (lao động của con người bản chất xã hội của con người, tính chất hành động của con người), qua đó mà giải thích đặc trưng của con người².

3. Về vấn đề tính người³

Mạnh tử (thời chiến quốc), người phát triển mạnh mẽ chủ nghĩa duy tâm Nho giáo, đưa ra quan niệm “nhân chi sơ, tính bản thiện”, nghĩa là ngay từ lúc chào đời, con người đã có sẵn mầm mống của nhân, nghĩa, lễ, trí, có sẵn mầm mống của sự hiếu với cha mẹ, trung với vua, kính trọng các bậc huynh trưởng.

Tuân tử (chiến quốc) lại cho rằng “nhân chi sơ, tính bản ác” ông nói con người là loại “mắt thích sắc đẹp, tai thích tiếng hay, miệng thích vị ngon, tâm thích điều lợi, xương thịt da dẻ thích nhàn rỗi”. Chính những dục vọng đó khiến con người trở nên tàn ác.

Trong thiên “Tính ác”, Tuân tử nói rõ: “Nay tính của người ta, sinh ra mà có sự yêu lợi rồi vậy. Thuận theo đây cho nên sinh ra tranh cướp mà mất

² Vấn đề bản chất của con người vẫn được tiếp tục bàn luận, lý giải qua tiến trình lịch sử nhân loại và đến K. Mác mới có định nghĩa sáng tỏ: “Bản chất con người không phải là cái trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà của tất cả những quan hệ xã hội”. (K.Mác-F.Ăngghen. Tuyển tập, tập 2. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 493).

³ Nghĩa: tính con người thì gần nhau, do tập nhiệm mà trở thành xa nhau.

thái độ từ nhượng. Sinh ra đã ghét và ác rồi, tuân theo đường ấy cho nên tàn tặc sinh mà mất điều trung tín...

Tóm lại, theo Tuân tử thì “hiếu lợi nhi dục đắc giả, thử nhân chi tình tính dã” (yêu lợi mà muốn được, đây là tính tình của người ta) và “sinh chi sở dĩ nhiên giả là vị chi tính” (Đẻ ra mà như thế, ấy gọi là tính).

Tuy vậy, theo Tuân tử người ta ai ai cũng có thể làm thiện, trở nên thiện được. Muốn vậy, con người phải được giáo dục theo đường lễ nghĩa.

Cáo tử (thời chiến quốc) là nhân vật thứ ba bàn về tính người. Theo ông, tính của con người về đại lược có 3 điểm sau:

(1) Tính vô thiện vô bất thiện (tính con người là không thiện mà cũng không ác). Ông nói: “sinh chi vị tính, thực sắc tính dã” (sinh sống là tính - ăn uống và sắc thái là tính). Như vậy theo Cáo tử *tính* là căn bản của sinh hoạt con người và cảm thú đều có tính cả (trong lúc Mạnh tử cho *tính* là sự phân biệt giữa người và cảm thú). Tính người thể hiện ở sinh trưởng và sinh thực. Sinh trưởng là để duy trì cuộc sống cho cá thể, sinh thực là để tiếp tục sinh mệnh của giống nòi. Các loại bản năng này do đó không thể gọi là thiện hay ác.

(2) Tính “khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện”. (Tính có thể làm thành thiện, có thể làm thành bất thiện): Theo ông thì “tính như nước chảy quanh. Khởi sang Đông thì chảy về Đông, khởi sang Tây thì chảy về Tây...”. Như vậy nhân tính tựa như tờ giấy trắng, muốn viết đen thành đen, muốn viết đỏ thành đỏ. Ở đây, ta thấy khả năng giáo dục đối với con người rất lớn.

(3) Cáo tử cho điều nhân ái ở người là thuộc về tiên thiên, tiên nghiệm (A

priori), nghĩa là “dữ sinh cân sinh” (đẻ ra vốn có sẵn). Còn Lý và Nghĩa là thuộc về hậu thiên, hậu nghiệm mà có, nhờ tri thức kinh nghiệm mà sinh ra. Cho nên, ông nói “Nhân nội dã, phi ngoại dã. Nghĩa ngoại dã, phi nội dã”. (Điều nhân đạo là ở trong, không phải ở ngoài. Điều nghĩa lý là ở ngoài, không phải ở trong).

Tới thế kỷ XVII, hai nhà học giả duy vật là Vương Phu Chi và Đái Chấn cũng đưa ra quan điểm của mình về tính người. Vương Phu Chi cho rằng tính người không phải là bẩm sinh mà sinh ra đời rồi mới có. Tính người nhờ học tập mà hình thành và “Mỗi ngày sống thì mỗi ngày hình thành”.

Cùng quan điểm đó, Đái Chấn mở rộng tính thành 3 mặt:

- Dục vọng (dục)
- Tình cảm (tình)
- Tri thức (tri).

Đó là nhu cầu tự nhiên không thể thiếu ở con người mà loài vật không có. Như vậy, tuy còn hạn chế, song Đái Chấn đã nâng quan điểm của Cáo tử tiến lên một bước trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật. Nhìn chung, chủ nghĩa duy vật phương Đông phát triển chậm chạp, song vẫn là học thuyết dám đấu tranh cho nhu cầu, quyền sống của con người đấu tranh chống các quan điểm khổ hạnh của các học thuyết đối lập⁴.

⁴ Ở đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài “Dạ bán” ở “Ngục trung nhật ký” cũng nêu lên quan điểm của mình về tính người. Xin nêu ra để tham khảo: Dạ bán: Thuy thì đo tượng thuần lương hân/ Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân/ Thiện ác nguyên lai vô định tính/ Đa đo giáo dục đích nguyên nhân. Dịch: Nửa đêm: Ngủ thì ai cũng như lương thiện/ Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ hiền/ Hiền dữ phải đâu là tính sẵn/ Phần nhiều do giáo dục mà nên. Xem: “Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù”

Về chủ nghĩa duy vật, còn phải kể đến hai học giả khác là Dương Chu và Hàn Phi tử. Dương Chu chủ trương thuyết vị ngã (vì mình), chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân và gia đình mình. Theo ông thì nếu “nhỏ một mảng lông mà lợi thiên hạ cũng không làm” Hàn Phi tử cũng cho rằng tính người vốn “ích kỉ”.

Ngoài Mạnh tử đã nêu ở trên, chủ nghĩa duy tâm Nho giáo cũng có nhiều đại biểu khác đề cập và phân loại tính người. Ví dụ:

Đổng Trọng Thư chia tính người làm 3 loại: tính thánh nhân (toàn diện), tính trung dân (có thiện, có ác), tính dẫu thung (toàn ác).

Hàn Vũ (đời Đường) cũng chia tính người thành tam phẩm: thượng phẩm (toàn thiện), trung phẩm (có thiện, có ác) và hạ phẩm (chỉ có ác).

Trình Hạo, Trình Di (thời Bắc Tống) chia thành tính thiện mệnh (thuần thiện), tính khí chất (có thiện, có ác).

Với quan điểm “lý”, “khí”, Chu Hy (Bắc Tống) chia tính người thành tính trời đất (thuần lý) và tính khí chất (*khí xen lý*).

Từ lập trường tôn giáo, Phật giáo bàn về tính người ở một góc độ khác hẳn. Từ Phật giáo nguyên thủy đến các phái tiểu thừa, đại thừa sau này, đều truyền bá quan niệm con người có hai loại tính: Tính Phật (gọi là “tính”) và tính trần tục (gọi là “tình”).

Tính Phật là tính người đã giác ngộ về lẽ “không”, “hư”, giác ngộ về thế giới “chân như”, về cõi “niết bàn” vô sinh, vô diệt. Còn tính trần tục là tính người vẫn còn đắm chìm trong cõi vô minh, ý nghĩ trần ngập thối tham (thèm muốn,

cầu mong cho có được), sân (tức giận, nóng nảy), si (mê lầm, ngu tối). Tính trần tục khiến con người không thoát khỏi vòng luân hồi để tiến lên tính Phật. Bởi vậy, muốn có tính Phật, muốn tới cõi Niết bàn, con người phải diệt dục, tu theo 8 con đường gọi là bát chính đạo.

4. Về đạo người

Nho giáo quan niệm đạo người là mối quan hệ giữa cá nhân với gia đình, xã hội, đất nước, giống nòi, trên dưới v.v...

Dưới nhiều hình thức khác nhau, các nhà tư tưởng đều đề cao học thuyết “chính danh định phận” của Khổng tử, bảo vệ tôn ti, trật tự phong kiến. Họ đề cao thuyết tam cương ngũ thường, kêu gọi con người trau dồi nhân nghĩa, vứt bỏ lợi “tồn thiên lý, diệt nhân dục” v.v...

Phật giáo thì khuyên con người nên tu luyện để thoát bể khổ nơi trần thế, phải sống “từ bi, cứu khổ, cứu nạn” để lên cõi Niết bàn.

Kịch liệt chống lại đạo Nho, Đạo giáo chủ trương xây dựng đạo người “vô vi”, sống hoà bình, không màng danh lợi và bất tranh trong quan hệ giữa người với người.

5. Thái độ của con người đối với chính trị-xã hội

Từ những quan điểm trên đây, các ý thức hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo cũng có cái nhìn khác biệt nhau về thái độ của con người đối với chính trị - xã hội.

Đạo Nho chủ trương con người nhập thế, gắn mình với xã hội. Do đó con người cần ra sức học tập để thành đạt, làm quan giúp vua, cứu đời. Học thành đạt thì làm quan, không thành đạt thì ở ẩn hoặc đem sở học mà truyền đạo, dạy học trò.

Phật giáo lại chủ trương xuất thế, xa lánh cuộc đời để đi tu tìm đến cuộc sống hư tịch. Nó khiến con người có tư tưởng tiêu cực, yếm thế.

Đạo giáo cũng chủ trương xuất thế, kịch liệt phê phán quan điểm danh lợi của đạo Nho. Với quan điểm "vô vi", Đạo giáo khiến con người có hai thái độ trước vấn đề chính trị - xã hội:

- Thái độ sống thanh cao, đi sâu tìm hiểu và thực hành đạo, không màng danh lợi, tiền tài, không ham công danh phú quý để hạ phẩm giá con người.

- Nhưng từ đó cũng nảy sinh thái độ chán đời, vô trách nhiệm đối với xã hội.

Từ những nét phác họa trên, có thể nêu ra một số nhận định:

1- Triết học và các trường phái tôn giáo phương Đông từ cổ xưa đến nay rất quan tâm đến vấn đề con người và phát triển trên nhiều phương diện: nguồn gốc, bản chất, tính tình, các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và giữa con người với nhau.

2- Những quan điểm của các trường phái có những mặt thống nhất, song nhiều điểm lại mâu thuẫn, đối lập gay gắt, thể hiện tính chất giai cấp và trình độ nhận thức khác biệt nhau.

3- Triết học và các ý thức hệ tư tưởng phương Đông khi bàn về con người thường chú trọng đến mối quan hệ giữa người với người và người với xã hội hơn là người với tự nhiên. Vấn đề đạo đức nhân sinh được coi trọng hàng đầu.

Lịch sử loài người đã từng có một nền văn minh tới cổ phương Đông, rực rỡ nhất, đạt tới trình độ khá cao, thậm chí nhiều vấn đề của xã hội hiện đại hôm nay tưởng như phát minh mới, song lại có cội rễ, nền móng, từ xưa rồi. Trong toàn bộ lịch sử phương Đông, hai cái nôi lớn nhất là Ấn Độ và Trung Quốc đã để lại cho hôm nay những di sản vô cùng quý giá cả về khoa học xã hội, nhân văn, cả về khoa học kỹ thuật

và công nghệ.

Phải chăng những con "sư tử", những "con rồng" phương Đông sau hàng ngàn năm ngủ say vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI đã bắt đầu thức dậy và chuẩn bị cho những bước tiến nhảy vọt về mọi mặt ở một thiên niên kỷ mới?

Muốn có một dự báo tương lai chắc chắn hơn, cần tiếp tục nhìn lại những quan điểm triết học phương Tây bàn về con người để có một sự so sánh, tìm ra cái mạnh, cái yếu của mỗi bên và dự đoán xem phải chăng đang có hai trào lưu đi nghịch chiều nhau:

- Phương Đông đang muốn vươn tới trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vươn tới trình độ tiên tiến về khoa học kỹ thuật và công nghệ của phương Tây để xoá bỏ tình trạng lạc hậu, đói nghèo?

- Phương Tây đang muốn tìm về cội nguồn của triết học phương Đông uyên thâm, thần bí để giải quyết một nghịch lý giữa trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và đời sống tinh thần, đạo đức của con người, của xã hội ngày một suy thoái, tha hoá?

Hai khuynh hướng trái chiều này gặp nhau ở thế kỷ XXI sẽ thế nào? Đối kháng hay hoà nhập?

Việt Nam - một nước ở phương Đông đang phát triển - sẽ phải có con người như thế nào để có thể đưa đất nước tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa?

Đó là những vấn đề rất cơ bản trong nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu tiếp sau.

Trong một dịp khác, chúng tôi sẽ phác họa lại những quan điểm cơ bản của triết học phương Tây bàn về con người và phát triển ■